

ĐÔNG NGẠC – LÀNG KHOA BẢNG(*)

BÙI XUÂN ĐÍNH
LÊ THỊ HƯƠNG NGÀ

Làng Đông Ngạc, tên Nôm là làng Vẽ ở ngay chân cầu Thăng Long, thuộc huyện Từ Liêm (Hà Nội), là một trong những làng nổi tiếng cả nước về mặt khoa cử, xưa cũng như nay.

Căn cứ vào hai quả chuông của chùa Vẽ đúc vào các năm Ất Mão (1315) và năm Nhâm Thân (1332) mà Phạm Đình Hồ đã dẫn ra trong sách *Vũ trung tùy bút* thì vào nửa sau triều đại nhà Trần (đầu thế kỷ XIV), Đông Ngạc đã là làng đông đúc, có tên là "Đông Ngạc phường". Theo gia phả của các dòng họ gốc làng Đông Ngạc thì từ cuối thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIV, có một cuộc di dân lớn của nhiều dòng họ từ vùng Thanh - Nghệ ra định cư ở làng này và các làng vùng quanh Hà Nội ngày nay. Bài *Vật giao Hoàng Nghĩa hữu* đăng trên báo *Chính luận* (xuất bản ở Sài Gòn, ngày 6 - 12 - 1966) cho rằng, trong số những dân di chuyển cư đó, có dân làng Hoàng Nghĩa, tên Nôm là Kẻ Quăng (nay thuộc xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hoá, Thanh Hoá) đem vài lụ của làng quê mình ra bán. Vốn là dân giỏi làm nghề thủ công, buôn bán, khéo giao thiệp và đa mưu, nhiều kế, người dân Kẻ Quăng nhanh chóng phát huy những lợi thế tại một vùng đất mới sát đô thị cổ, góp phần mở mang làng Đông Ngạc. Dân Kẻ Quăng còn giỏi chữ, đã nhanh chóng phát huy lợi thế đó khi việc học hành thi cử được coi trọng. Sự trù phú về kinh tế, cùng sự nhanh chóng thành đạt về mặt văn học, khoa cử của người làng Vẽ Đông Ngạc có phần thừa hưởng vốn của người Kẻ Quăng - Hoàng Nghĩa.

Đầu thời Nguyễn, làng (cũng là xã) Đông Ngạc thuộc tổng Minh Cảo, huyện Từ Liêm,

phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây (từ năm 1831 huyện Từ Liêm cắt về phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội) và là một làng trù phú, đông đúc vào bậc nhất nhì vùng quanh Hà Nội, nơi cư tụ của hơn 20 dòng họ, trong đó 4 họ : Phan, Phạm, Nguyễn, Đỗ được coi là 4 họ gốc. Vì thế, gia phả các họ này thường có chữ "Đông" đứng trước tên họ (*Đông Nguyễn, Đông Phạm ...*), để phân biệt với các dòng họ khác trùng tên nhưng đến sau.

I. TRUYỀN THỐNG KHOA CỬ CỦA NGƯỜI ĐÔNG NGẠC

1. Những người đỗ đại khoa

Từ trước đến nay, các sách báo thường đưa ra những con số không nhất quán về người đỗ Tiến sĩ của làng Đông Ngạc. Mới đây nhất, cuốn *Danh nhân khoa bảng làng Đông Ngạc* của nhóm tác giả Vũ Văn Luân, Phạm Quang Tảo, Nguyễn Văn Yên (Nxb. Thanh Niên, 2001) đã liệt kê một danh sách đến 31 Tiến sĩ của làng(?). Thăm định lại các nguồn tư liệu gốc, chúng tôi thấy, làng có 22 Tiến sĩ văn và 1 Tiến sĩ võ, đứng hàng đầu trong các làng khoa bảng của Thăng Long - Hà Nội, đứng hàng thứ 3 trong cả nước, sau làng Mộ Trạch (Hải Dương - 34 người) và làng Kim Đôi (Bắc Ninh - 23 người). Trong số này có 1 người gốc làng Đông Ngạc chuyển cư đi nơi khác, 1 người tuy không sinh ra ở Đông Ngạc nhưng sự thành đạt gắn với đất Đông Ngạc. Sau đây là 22 Tiến sĩ ngạch văn:

1. *Phan Phu Tiên* (1370 - 1462): đỗ Thái học sinh khoa Quý Dậu đời Trần Thuận Tông (1393), sau lại đỗ khoa Minh Kinh bác

học năm Kỷ Dậu đời Lê Thái Tổ (1429) khi đã gần 60 tuổi(1).

2. *Lê Đức Mao* (1462 - 1529): sinh ra và theo học ở Đông Ngạc song vì hay làm thơ châm biếm bọn cường hào trong làng nên bị chúng thù ghét, ông phải chuyển lên sống ở làng Dưỡng Hối huyện Yên Lãng (nay là huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc). Về sau ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân (ĐTGDTSXT) khoa Ất Sửu đời Uy Mục đế (1505)(2).

3. *Phạm Lân Đính* (1484 - 1524): đỗ ĐTGDTSXT khoa Giáp Tuất đời Lê Tương Dực (1514).

4. *Phạm Thọ Chỉ* (1539 - 1581): đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Đinh Sửu đời Mạc Mậu Hợp (1577).

5. *Phạm Hiến Danh* (1616 - 1649): đỗ ĐTGDTSXT khoa Bính Tuất đời Lê Chân Tông (1646).

6. *Phạm Quang Trạch* (1653 - 1716): đỗ Hội nguyên, Bảng nhãn khoa Quý Hợi đời Lê Hy Tông (1683).

7. *Phan Vinh Phúc* (sau đổi là Công Phúc, 1652 - ?): đỗ ĐTGDTSXT khoa Ất Sửu đời Lê Hy Tông (1685).

8. *Phạm Quang Hoàn* (1665 - 1718): đỗ ĐTGDTSXT khoa Giáp Tuất đời Lê Hy Tông (1694).

9. *Phạm Quang Dung* hay Công Dung (1675-1739): đỗ Đình nguyên, ĐTGDTSXT khoa Bính Tuất đời Lê Dụ Tông (1706).

10. *Phạm Nguyên Ninh* hay Phạm Quang Ninh (1700-1744): đỗ ĐTGDTSXT khoa Tân Hợi đời Lê Đế Duy Phường (1731).

11. *Phan Lê Phiên* hay Trọng Phiên (1735 - ?): đỗ ĐTGDTSXT khoa Đinh Sửu đời Lê Hiến Tông (1757).

12. *Nguyễn Đình Thạc* hay Công Thạc (1754 - ?): đỗ ĐTGDTSXT Thịnh khoa Kỷ Hợi đời Lê Hiến Tông (1779).

13. *Hoàng Nguyễn Thứ* (1749 - 1801): gốc người làng Đông Bình (huyện Gia Bình, Bắc Ninh) nhưng ông học ở Đông Ngạc, được thầy dạy là Hương cống Phạm Gia Huệ gả con gái cho. Sau khi đỗ ĐTGDTSXT khoa cuối cùng của nhà Lê (khoa Đinh Mùi niên hiệu Chiêu Thống - 1787), ông trở thành tổ của họ Hoàng tại làng Đông Ngạc. Vì thế, chúng tôi coi ông là vị Tiến sĩ làng Đông Ngạc(3).

14. *Hoàng Tế Mỹ* hay Hoàng Phạm Thịnh (1795 - 1849): đỗ Hoàng giáp khoa Bính Tuất đời Minh Mệnh (1826). Cả thi Hội và thi Đình ông đều đỗ đầu nên người đời sau gọi ông là "Hương - Đình lưỡng nguyên".

15. *Phạm Gia Chuyên* (1791 - 1862): đỗ ĐTGDTSXT khoa Nhâm Thìn đời Minh Mệnh (1832).

16. *Nguyễn Văn Tùng* (1812 - ?): đỗ ĐTGDTSXT khoa Mậu Tuất đời Minh Mệnh (1838).

17. *Nguyễn Hữu Tạo* (1809 - ?): đỗ ĐTGDTSXT khoa Giáp Thìn đời Thiệu Trị (1844).

18. *Phạm Quang Mãn* (1817 - 1858): đỗ ĐTGDTSXT khoa Kỷ Dậu (Ấn khoa) đời Tự Đức (1849).

19. *Nguyễn Văn Hội*: không rõ năm sinh, mất, Phó bảng khoa Kỷ Dậu đời Tự Đức (1849).

20. *Hoàng Tường Hiệp* (1836 -1885): đỗ ĐTGDTSXT khoa Ất Sửu đời Tự Đức (1865).

21. *Nguyễn Dự* (1844 - 1884): đỗ ĐTGDTSXT khoa Kỷ Mão đời Tự Đức (1879).

22. *Hoàng Tăng Bí* (1881 - 1939): đỗ Phó bảng khoa Canh Tuất đời Duy Tân (1910), là vị đại khoa cuối cùng của làng Đông Ngạc, cũng là vị đại khoa cuối cùng của Thăng Long - Hà Nội.

Ngoài 22 vị Tiến sĩ ngạch văn, làng Đông Ngạc còn có một Tiến sĩ võ là *Đỗ Thế Dận* (1734 - 1792), đỗ năm Quý Mùi niên hiệu Cảnh Hưng (1763). Ông là con trưởng Hương cống *Đỗ Thế Giai*.

Xem xét 22 Tiến sĩ ngạch văn của làng cho thấy:

1. Những người đỗ trải suốt từ thời Trần đến thời Nguyễn, gồm 1 người thời Trần, 2 người thời Lê sơ, 1 người thời Mạc, 9 người thời Lê - Trịnh, 9 người thời Nguyễn. Riêng Phan Phu Tiên 2 lần đỗ (1396, 1429).

2. *Về mức đỗ đạt*: trong 22 người có 1 Bảng nhãn (Phạm Quang Trạch, 1683), 2 Hoàng giáp, 17 ĐTGĐTSXT, 2 Phó bảng.

3. *Về tuổi đỗ đạt*: trong 22 người, có 1 người không xác định được tuổi đỗ, còn lại 21 người thì 2 người ở tuổi 20 - 25 (trong đó người trẻ nhất là Phan Lê Phiên đỗ năm 22 tuổi); 6 người ở tuổi 26 - 30; 11 người ở tuổi 31 - 40 (trong đó có 7 người ở tuổi 31 - 33; 2 người ở tuổi 35; 2 người ở tuổi 38) và 2 người ở tuổi 41 - 45. Như vậy, tuổi 31- 35 là tuổi thành đạt nhiều nhất về khoa cử của người làng Vẽ.

4. Các vị đại khoa làng Vẽ tập trung vào 4 dòng họ lớn : Phạm, Phan, Nguyễn, Hoàng, trong đó họ Hoàng từ nơi khác chuyển đến, còn các họ Phan, Phạm, Nguyễn cùng với họ Đỗ là những họ gốc. Theo *Đông Ngạc xã chí* (ĐNXC), 4 họ này do được những ngôi đất kết phát mà thành đạt.

Dưới đây, xin trình bày sơ bộ về các dòng họ này:

Họ Phạm: từ cụ tổ Phạm Húng ở xã Đông Biện (nay thuộc huyện Đông Sơn, Thanh Hoá) di cư ra đến đời thứ 4 (tính từ thủy tổ), chỉ trong vòng 5 đời (từ đời 4 - 9) có 7 người đỗ Tiến sĩ, là *Phạm Lân Đính* (1514), *Phạm Thọ Chỉ* (đời thứ 5, 1577), *Phạm Hiển Danh* (đời 7, 1646, là chất Phạm Lân Đính, cháu nội Phạm Thọ Chỉ), *Phạm Quang Trạch* (đời 8, 1683), *Phạm Công Hoàn* (đời 9, cháu ruột Quang Trạch, 1694), *Phạm Công Dung* (đời 9, em Công Hoàn, 1706) và *Phạm Gia Ninh* (đời 9, con Quang Trạch 1731). Các đời sau có *Phạm Gia Chuyên* (1832), *Phạm Quang Mãn* (1849).

Họ Phan: khởi đầu từ *Phan Phu Tiên* gốc ở xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Lên 10 tuổi, Phan Phu Tiên được bố là Phan Quang Minh đưa ra Đông Ngạc học, sau đỗ Thái học sinh rồi lập nghiệp tại làng này, phát triển thành họ Phan đông đúc. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), 7 chi họ Phan ở làng đã tôn Phan Phu Tiên là tổ của họ, thờ cụ ở nhà thờ từng chi. Con cháu về sau có 2 người đỗ Tiến sĩ là *Phan Vinh Phúc* (1685) và *Phan Lê Phiên* (1757).

Họ Nguyễn (hay Nguyễn gốc): theo bản *Đông Nguyễn tộc phả* thì tổ của họ là Nguyễn Phúc Nguyên, từ Thanh Hoá chuyển cư ra Bắc vào đầu thế kỷ XIV. Sau này, đến đời con là Nguyễn Thời Ngạn cùng anh rể là Phạm Kỳ được thầy địa lý chỉ cho chỗ đặt mộ tổ. Vì muốn con cái nhanh phát nên Nguyễn Thời Ngạn đã xin đặt mộ tại Đột Trung Oa, xứ Nà Ôi là đất có thể “*tiên phát lại, hậu phát về văn, văn trúng trường, lại cực phẩm, hào phú vượng đình, thế thế lưu truyền vạn đại*”(4). Nguyễn Thời Ngạn cùng

3 đời kế tiếp đều đỗ Thụ toán. Đến đời thứ 5 bắt đầu có người đỗ tam trường thi Hội. Mãi đến đời thứ 13, dòng họ mới có Nguyễn Văn Tùng đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất đời Minh Mệnh (1838).

Họ Hoàng: như đã trình bày, vốn gốc làng Đông Bình (Bắc Ninh) chuyển đến, có 3 người là bố con - ông cháu đỗ Tiến sĩ (Hoàng Nguyễn Thự, 1787; Hoàng Tế Mỹ, 1826; Hoàng Tường Hiệp, 1865) và 1 Phó bảng (Hoàng Tăng Bí, 1910).

Những người đỗ đại khoa của làng Vẽ đảm nhận nhiều chức vụ khác nhau trong bộ máy chính quyền phong kiến các cấp. Có 1 người (Phan Lê Phiên) làm đến Tham tụng (Tể tướng), 2 người được cử đi sứ sang Trung Quốc (Phạm Công Dung đi năm 1732; Hoàng Tế Mỹ, 1841). Riêng Hoàng Tăng Bí thi đỗ không ra làm quan mà tích cực tham gia vào các hoạt động của Đông Kinh nghĩa thực. Có người có nhiều đóng góp xây dựng làng xóm được làng thờ phụng (Tiến sĩ Phạm Quang Dung đã hiến toàn bộ số gỗ để làng dựng lại đình được thờ ở một gian trong đình).

Song nét nổi bật nhất của các Tiến sĩ làng Đông Ngạc là trên lĩnh vực văn hoá - giáo dục. Có 3 người làm Tế tửu Quốc Tử Giám (Phan Phu Tiên, Phan Lê Phiên và Phạm Gia Chuyên). Nhiều người làm Đốc học, nhiều người mở trường dạy học, có nhiều học trò thành đạt. Đặc biệt, sự nghiệp sáng tác văn học của các Tiến sĩ làng Vẽ rất thành đạt. Phan Phu Tiên là người biên soạn bộ *Sử ký tục biên* kế tiếp bộ *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu. Lê Đức Mao là người đầu tiên ở Việt Nam làm thơ lục bát, ông cũng là ông tổ của các bài hát ả đào sáng tác khi còn sống ở Đông Ngạc. Phạm Quang Trạch để lại cuốn *Nam Chưông ký lục* viết về bang

giao giữa nước ta với Ai Lao. Phan Lê Phiên để lại cho đời một số tác phẩm có giá trị như *Cao Bằng thực lục*, sưu tập hơn 200 bài thơ của các chúa Trịnh Doanh, Trịnh Sâm in thành sách *Căn nguyên thi tập*; tham gia biên soạn sách *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*. Hoàng Tăng Bí là nhà dịch thuật và soạn tuồng với các vở *Nghĩa nặng tình sâu*, *Thù nhà nợ nước*...

Sau khi nền giáo dục khoa cử phong kiến bị thay thế bằng nền giáo dục do người Pháp áp đặt, người Đông Ngạc đã nhanh chóng bắt nhịp. Theo thống kê chưa đầy đủ, cho đến Cách mạng Tháng Tám 1945, Đông Ngạc đã có 4 người là Tiến sĩ Tây học: Phan Văn Trường, Tiến sĩ Luật học; Hoàng Thị Nga, Tiến sĩ Toán học ở Pháp; Phạm Quang Bách (1911 - ?), Tiến sĩ Luật khoa, Cử nhân Văn khoa và Phạm Tỉnh Quát - Tiến sĩ Toán học (Pháp). Trong 4 người trên đây, Phan Văn Trường đã từng nổi tiếng ở cả Việt Nam và Pháp, tiêu biểu cho người trí thức Tây học có trình độ uyên thâm, có tinh thần yêu nước cao những năm thập kỷ 20 - 30 của thế kỷ trước.

2. Những người đỗ trung khoa

Từ các nguồn tài liệu, chúng tôi liệt kê được một danh sách 95 người đỗ trung khoa của làng gồm 60 người thời Lê và 35 người thời Nguyễn (không kể những người về sau lại đỗ đại khoa). Từ danh sách này, xin có một số nhận xét :

1. Với 95 Hương cống và Cử nhân, Đông Ngạc là làng có nhiều người đỗ trung khoa nhất của Thăng Long - Hà Nội.

2. Tính liên tục trong đỗ đạt: từ đầu thế kỷ XVII trở đi, không mấy khoa thi không có người làng Vẽ đỗ (kể cả những người về sau đỗ đại khoa).

3. Khá nhiều khoa thi, làng Đông Ngạc có 3 - 4 người đỗ (không tính người về sau đỗ đại khoa). Có 7 khoa (vào các năm 1714, 1768, 1771, 1779, 1783, 1874, 1903) có 3 người đỗ, 2 khoa (1723, 1903) có 4 người đỗ và 1 khoa (1765) có đến 5 người.

4. Nhìn chung, các dòng họ có nhiều người đỗ đại khoa (Phạm, Hoàng, Phan) cũng là những dòng họ có nhiều người đỗ trung khoa. Một số khoa anh em, chú cháu cùng đỗ như khoa Giáp Ngọ (1714), có hai con của Bảng nhãn Phạm Quang Trạch là Phạm Gia Thắm, Phạm Công Vận đỗ. Khoa Ất Dậu (1765), làng có 5 người đỗ thì có 2 người là chú cháu ruột (Nguyễn Đình Thúc và Nguyễn Thế Cẩn), 2 người là anh em ruột (Nguyễn Huy Tiến, Nguyễn Huy Chân). Nhiều trường hợp, bố con, anh em đỗ trong 2 khoa liền nhau.

Ngoài các vị đại khoa và trung khoa, Đông Ngạc còn có một lượng lớn người đỗ tiểu khoa (Sinh đồ, Tú tài). Sách ĐNTB dẫn theo sách *Từ Liêm đăng khoa lục* của Bùi Xuân Nghi đã liệt kê một danh sách 40 người đỗ Sinh đồ thời Lê có chức quan, trong đó, có Phạm Đat Nghệ là thân phụ Tiến sĩ Phan Lê Phiên và các Hương cống Phan Chính Lễ, Phan Đat Nghĩa. Thời Nguyễn, làng có 98 người đỗ Tú tài. Hầu như khoa nào Đông Ngạc cũng có người đỗ, trong đó khoa Đinh Mão (1807) có 6 người, 2 khoa có 5 người (1828, 1850), 4 khoa có 4 người (1847, 1861, 1864, 1906). Rất nhiều người là "Tú kép", "Tú mên" và cả "Tú đụp" (đỗ 4 lần).

Như vậy, Đông Ngạc là làng thành đạt nhất về khoa cử, cả về đại khoa, trung khoa và tiểu khoa trong số các làng khoa bảng của Thăng Long - Hà Nội.

II. NGUYỄN NHÂN THÀNH ĐẠT VỀ HỌC HÀNH, KHOA CỬ CỦA NGƯỜI LÀNG ĐÔNG NGẠC

Theo chúng tôi, ngoài điều kiện chung của đất nước qua các vương triều phong kiến (khuyến khích học hành để ra làm quan hay tuyển bổ quan lại chủ yếu qua con đường khoa cử Nho học), Đông Ngạc còn có những lợi thế riêng mà ít làng quê nào ở sát kinh đô có được.

Trước hết, Đông Ngạc ở vào một vị trí rất "địa lợi": làng chỉ cách trung tâm Hà Nội nay, kinh đô Thăng Long xưa chưa đầy 10 cây số, dọc theo đường đê Yên Phụ. Theo đường sông Hồng, từ làng xuống đến bến Chương Dương cũng rất thuận tiện.

Thứ hai, vị trí địa lợi trên đây được người làng phát huy triệt để trong việc phát triển kinh tế. Theo ĐNXC thì làng "*ruộng ít và bạc màu, lại không có nước chứa, nghề nông phần lớn không tiện lợi, thể chất nhân dân thì yếu, ít người làm nghề nông*". Hướng "giải nông" đầu tiên của làng là buôn bán. Làng có chợ, buổi đầu ở một khu đất giáp xóm Hàng Quang ra áp sát bờ sông Hồng. Đến đầu thế kỷ XX, làng mới lập một chợ mới ở đầu làng, trên một khu đất rộng, giữa đê và chùa Cả, trên bến dưới thuyền, rất sầm uất. Chợ họp một tháng 6 phiên, vào các ngày 2 và 7. Trong chợ có đủ các loại hàng hoá nông sản thực phẩm, tạp hoá, có cả trâu bò từ miền ngược về. Ngoài 6 phiên chợ chính thu hút người các nơi về buôn bán, mỗi ngày còn có hai buổi chợ vào sáng và chiều để người làng mua bán các loại thực phẩm như thịt cá, rau cỏ. Đây là một trong 3 chợ lớn nhất huyện Từ Liêm, được ghi trong sách *Đại Nam nhất thống chí*. Ngoài ra, đoạn đường suốt từ chợ về cổng cái Ngõ Đông dài trên một cây số, hai bên đều có các

cửa hàng, cửa hiệu bán đủ các loại hàng hoá. Ở dưới sông có bến Vẽ mua bán cũng rất tấp nập. Từ cuối thế kỷ XVIII, Đông Ngạc trở thành trung tâm giao dịch buôn bán trên đầu mối giao thông ở phía Tây Bắc Thăng Long. Đời sống của dân làng khấm khá hơn nhiều so với các làng trong vùng trước hết nhờ buôn bán.

Kết hợp với thương nghiệp, các ngành nghề thủ công của làng cũng rất phát đạt, gồm hàng chục nghề như : đan mũ - quạt, nhuộm vải nâu, làm khăn xếp và mũ tứ thời, làm chậu trồng cây cảnh, làm ghế song mây, sơn mài mỹ thuật, làm bánh khoai phồng, làm thịt sấy, giò chả...

Các hoạt động thương nghiệp và thủ công nghiệp còn phát đạt ở rất nhiều tỉnh thành trong cả nước. Sách *Đông Ngạc tập biên* liệt kê 29 cửa hàng cửa hiệu làm và buôn bán các loại sản phẩm tại các phố lớn ở nội thành Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, các thị xã Tuyên Quang, Yên Bái, Sơn Tây. Sự phát đạt về buôn bán kết hợp làm nghề thủ công đã tạo ra một cơ sở kinh tế khá vững chắc, khiến cho Đông Ngạc trở thành làng khá giàu có trong vùng. Sự giàu có đó tạo điều kiện thuận lợi cho người làng ăn học. ĐNXC chép dân làng " phần lớn làm nghề học hành, buôn bán. Thói tục rất trọng văn tự, học trò đi thi mãi tới khi bạc đầu, người chưa đậu thì mở trường dạy học hoặc theo nghề lại diễn (văn thư trong các phủ, huyện, ty ...) hoặc làm thầy thuốc, thầy địa lý... đều khởi đi ra ngoài làng lo liệu cuộc sống".

Thứ ba, theo quan niệm phong thủy, Đông Ngạc là đất thành đạt về mặt học hành. Sách ĐNXC chép về thế đất của làng : "Làng ta được khí thiêng chung đúc, nhóm hợp. Cho nên chim khôn các nơi tìm chọn cây đỗ

đâu. Chủ hồng, khách nhận, mai xuân, cúc thu, cửa quý, hoa thơm, đều tập hợp lại, mà danh tiếng làng ta càng ngày càng to lớn, rục rịch, trong đó, tích lũy nhiều đời mà thành họ, tập hợp những nét nổi của họ lại mà gọi là thế tộc, đều là không thể thiếu được". Ngoài ra, các dòng họ cũng có quan niệm về thế đất ở mộ tổ của mình. Đây là yếu tố tâm lý, có tác dụng củng cố tinh thần học tập của người làng và các dòng họ.

Thứ tư, trong sự thành đạt của người làng Đông Ngạc, cần phải kể đến công lao của những người thầy, trong đó phần lớn họ là người làng. Nhiều thầy giáo có công lớn trong việc dạy dỗ nhiều lớp học trò - không chỉ là con cháu mình, người trong làng, mà cả người nơi khác thành đạt. Trong số các thầy có người đỗ đại khoa, có kiến thức uyên thâm như Bảng nhãn Phạm Quang Trạch dạy cháu ruột là Phạm Quang Hoàn, cả thi Hội và thi Đình năm 1685, Quang Hoàn đều đứng thứ hai; thi về văn sách, tám chín kỳ ông đều đứng đầu. Câu *Thơ Mõ*, *phú Cách*, *sách Vẽ* chính là nói về văn sách của ông. Thân sinh của Tiến sĩ Phạm Quang Mãn là Phạm Quang Phái học vấn rộng, văn chương lỗi lạc nhưng đi thi nhiều lần không đỗ, liền ở nhà dạy con và học trò, có nhiều người thành đạt. Vua Tự Đức ban khen cho 5 chữ : *Phụ giáo tử đỗ khoa* (cha dạy con được đỗ). Hương cống Nguyễn Quang Phổ là thầy dạy của Tiến sĩ Phan Vinh Phúc; Hương cống Phạm Gia Huệ vừa là thầy dạy, vừa là bố vợ của Tiến sĩ Hoàng Nguyễn Thự. Như vậy, *gia phong*, *truyền thống gia đình* đóng vai trò rất quan trọng đối với việc học hành thành đạt. Tiến sĩ Nguyễn Hữu Tạo có công đào tạo không chỉ Phó bảng Nguyễn Văn Hội (người làng), mà cả nhiều học trò ở các nơi như: Hoàng giáp Lê Khắc Cẩn, Phó bảng

Đỗ Huy Điển. Tiến sĩ Phạm Gia Chuyên làm Đốc học Sơn Tây, học trò rất đông và nhiều người thành đạt, sau khi về hưu, ông vẫn tiếp tục dạy. Truyền thống hiếu học và học hành thành đạt của Đông Ngạc còn là mảnh đất lành thu hút nhiều thầy và trò các nơi về dạy và học mà trường hợp thầy giáo Tiến sĩ Nguyễn Đình Trụ (làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì) là ví dụ điển hình. Thầy và trò các nơi kéo về, càng tạo thêm sức ganh đua dạy và học của người làng Vệ, để đất và người làng mình không hổ danh với thiên hạ. Điều đó càng làm tôn sự thành đạt về khoa cử của Đông Ngạc lên một tầm cao hơn.

III. MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA LÀNG ĐÔNG NGẠC LIÊN QUAN ĐẾN HỌC HÀNH, KHOA CỬ

Là làng khoa bảng có tiếng nên dấu ấn đó rất rõ nét trên phương diện sinh hoạt xã hội của làng. Theo ĐNXC và nhiều nguồn tài liệu khác, sự phân hạng cư dân trong làng dựa theo tiêu chuẩn bằng cấp được đặt lên hàng đầu, tiếp đó đến phẩm hàm. Cụ thể, làng có các bậc vọng, cũng là các bậc ngôi thứ sau:

- *Vọng triều quan*: đối tượng được tham dự là người đỗ Tiến sĩ (cả văn và võ), hoặc quan văn tam phẩm, quan võ nhị phẩm tại chức. Lễ vọng từ xưa gồm 1 con trâu, 3 mâm xôi và trâu rệu; về sau đổi làm tam sinh (1 bò, 1 lợn và 1 dê). Ba mâm xôi và trâu rệu để lễ thần và đãi 10 hàng (quan viên, hương lão và 8 giáp); xong rồi lại khao 10 hàng và 13 xóm. Ngoài ra, trong năm đầu tiên, khi làng vào đám, chi phí hết bao nhiêu, vị tân triều quan phải chịu. Sau khi hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trên, mỗi năm, khi ở đình làng có tế lễ, triều quan được làng rước ra làm chủ tế, được ngồi ở sập kính tại gian giữa đình, được biểu thủ bò hay thủ lợn.

- *Vọng quan viên*: đối tượng được vọng là người đỗ sinh đồ (tú tài thời Nguyễn), hương cống (cử nhân) hoặc người có phẩm hàm văn giai, bá hộ. Quan viên lại chia làm 2 hạng:

+ Hạng thượng vũ: lễ vọng gồm 3 mâm xôi gà, trâu rệu.

+ Hạng thượng bàn: lễ gồm 1 con lợn, 1 mâm xôi, trâu rệu.

Sau đó lễ khao tùy khả năng: nếu có thì mời 3 hàng quan viên và giáp, xóm sở tại; nếu không có khả năng thì chỉ mời hàng quan viên.

- *Vọng hương viên*: đối tượng vọng là người có học thức và đứng đắn. Hương viên gồm 2 hạng:

+ Hạng thượng vũ: dành cho những người đã sống ở làng được 7 đời, lễ vọng gồm 3 mâm xôi gà và trâu rệu.

+ Hạng thứ hai chia làm 6 bậc: *Bậc 1* (người mới đến làng ngụ cư) phải *chồng đóng nhập tiệc* (đóng tiền vào làng) để được vọng *tòng tam vọng*. *Bậc 2* (ngụ cư đời thứ 2) vọng *chánh tam vọng*. *Bậc 3* (đời 3) vọng *tòng nhị vọng*. *Bậc 4* (đời 4) vọng *chánh nhị vọng*. *Bậc 5* (đời 5) vọng *tòng nhất vọng*. *Bậc 6* (đời 6) vọng *chánh nhất vọng*. Ngoài lễ vọng, còn phải làm lễ khao, giống như hạng quan viên.

Vào đầu thập kỷ 20 của thế kỷ XX, hội đồng hương chính của làng thấy việc bày lễ vọng bằng trâu, lợn, gà, xôi cùng lễ khao bằng ăn uống rất tốn kém và lãng phí nên đã thay thế việc khao bằng nộp tiền để dùng vào việc công ích trong làng, còn lễ vật yết thần thì tùy tâm(5).

Qua đây cho thấy, sự phân biệt chính - ngụ cư của làng Đông Ngạc ngặt nghèo thuộc hàng nhất nhì trên vùng châu thổ Bắc

Bộ : phải hết 7. đời mới được coi là chính cư (Thất đại thành tổ).

- *Vọng hương lão*: đối tượng là các cụ từ 60 tuổi trở lên. Lệ vọng được chia thành 7 hạng từ thượng vũ đến tòng tam vọng, lễ vọng giống như lễ vọng hương viên. Về sau cải lương hương chính, đổi thành nộp tiền: hạng thượng vũ nộp 10 đồng, chánh nhất vọng nộp 20 đồng, các bậc vọng sau lần lượt cộng thêm 10 đồng.

- *Vọng thôn trưởng* : do làng có 8 giáp (còn gọi là 8 phe)(6), mỗi giáp có 4 thôn trưởng, cắt lượt nhau theo tuổi để làm cai đám ở đình, lo việc sửa lễ vào các dịp sóc vọng, lễ thân. Muốn vọng thôn trưởng phải làm mâm chay cỗ thờ vào dịp rằm tháng 4 âm lịch, gồm 8 thứ bánh: bánh chung, bánh dày, xôi màu, bánh ít, bánh bìa, chè kho, bánh rổ và bánh khảo. Mỗi giáp phải làm một thứ bánh theo quy định: *Xôi chè có ngói, bánh dày hơn tuổi*(7).

- *Về sở hữu ruộng đất*, theo các nguồn tài liệu, trước Cách mạng Tháng Tám, Đông Ngạc thuộc loại làng "đình đa điền thiếu": làng chỉ có gần 100 mẫu ruộng công các loại và hơn 300 mẫu ruộng tư, trong khi dân số vào đầu thế kỷ XX là trên 3.700 người. Với số ruộng đất ít ỏi đó, dân làng không thể sống bằng nông nghiệp được. Như đã trình bày, vốn là làng nông nghiệp nhưng do lợi thế về giao thông nên người dân Đông Ngạc lại chú trọng phát triển làm nghề thủ công và buôn bán. Nông nghiệp ở đây chiếm một tỷ lệ không lớn trong nguồn thu của đa số các gia đình.

Nét nổi bật của Đông Ngạc là có nhiều quan lại cao cấp của nhà Lê, được cấp lộc điền (chẳng hạn, Hương cống Đỗ Thế Giai làm Thự Phủ sự được cấp trên 300 mẫu ở làng và các làng xung quanh) nên phần lớn

số ruộng tư của làng vốn từ ruộng lộc điền của các quan lại nhà Lê chuyển thành. Tuy nhiên, sở hữu tư nhân ở đây cũng nhỏ bé và manh mún. Sách *Xã Đông Ngạc* đã thống kê từ địa bạ Gia Long 4 (1805) được 144 chủ sở hữu, trong đó chỉ có 2 người có từ 19 - 21 mẫu; 12 người có từ 5 - 10 mẫu; 9 người có từ 3 - 5 mẫu; 54 người có từ 1 - 3 mẫu và 67 người có dưới 1 mẫu. Hầu hết các gia đình có từ 3 mẫu trở lên là gia đình quan lại và buôn bán(8). Họ cho người các làng khác cày cấy thuê. Một số người là viên chức Nhà nước thường giao ruộng cho anh em, họ hàng cày cấy. Cho nên, trước Cách mạng, quan hệ giai cấp, bóc lột ở đây không gay gắt như ở nhiều làng quê khác; trái lại, với tư cách là làng đông dân, làng khoa bảng, có nhiều người làm quan, vấn đề "đẳng cấp" thể hiện ở hệ thống ngôi thứ đình trung lại nổi lên hàng đầu.

Mặc dù là làng khoa bảng, nhưng Đông Ngạc có cơ cấu tổ chức theo mô típ chung của làng nông nghiệp truyền thống trên vùng châu thổ Bắc Bộ. Nơi cư trú của làng được chia thành hai khu vực : trong đê gồm 6 xóm (kèm theo phụ tố Ngõ) là Ngõ Chùa, Ngõ Ngán, Ngõ Trung, Ngõ Vẽ, Ngõ Ngác, Ngõ Đông; khu ngoài đê có 7 xóm là Lò Nồi, Vạn, Vườn, Hàng Quang, Thượng Khu, Trung Khu và Hạ Khu.

Cơ cấu tổ chức của Đông Ngạc trước Cách mạng cũng lấy giáp làm thiết chế chính, lấy hương ước làm cơ sở để triển khai thực hiện và giám sát các công việc của cộng đồng. So với hầu hết các làng quê trên vùng châu thổ Bắc Bộ, Đông Ngạc có một hệ thống tục lệ thành văn, được chép trong sách *Đông Ngạc xã chí*.

Cũng như ở các làng quê khác trên vùng châu thổ Bắc Bộ, Đông Ngạc còn lưu giữ

được một hệ thống đình chùa, đền miếu, văn chỉ, nhà thờ các dòng họ... Hầu hết các di tích này in đậm dấu tích của các danh nhân và các dòng họ khoa bảng, những người làm quan trong làng, phản ánh truyền thống khoa bảng của làng.

Là làng khoa bảng, Đông Ngạc còn có một di sản văn hoá quý giá. Đó là nguồn di văn Hán Nôm do người làng tạo dựng, bao gồm các tác phẩm văn học, sử học... có giá trị đã được điểm qua khi nói về thân thế và sự nghiệp của các Tiến sĩ ở trên. Ngoài ra, cuốn *Đông Ngạc xã chí*, các bộ gia phả họ Phạm, họ Phan, họ Nguyễn, họ Đỗ, họ Hoàng (hiện được lưu tại Viện Nghiên cứu Hán - Nôm), nguồn văn bia tại đình chùa là những tư liệu có giá trị nghiên cứu không chỉ với các danh nhân và lịch sử làng Đông Ngạc mà còn với cả lịch sử đất nước, thể hiện trình độ văn hoá cao và ý thức trách nhiệm của người các dòng họ với tiền nhân.

Các sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng của Đông Ngạc cũng theo mô típ chung của làng Việt ở châu thổ Bắc Bộ.

*

* *

Sau Cách mạng Tháng Tám, khác với khá nhiều làng khoa bảng khác bị "đứt đoạn" truyền thống, làng Đông Ngạc là làng phát huy được bề dày truyền thống hiếu học, khoa bảng của mình một cách có hiệu quả nhất và nâng lên một tầm mới. Làng không chỉ có hàng nghìn người tốt nghiệp đại học mà còn là một trong số những làng có nhiều người có học hàm học vị nhất miền Bắc nước ta (hơn 60 người). Nếu chỉ tính riêng họ Phạm, đã có 24 người có học vị Tiến sĩ. Nhiều người làng Đông Ngạc đã nổi danh trong cả nước bởi những đóng góp của họ đối với các

lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, văn hoá, giáo dục, nghệ thuật và thể thao...

Chú thích

(*) Hoàn thành bài viết này, chúng tôi nhận được sự giúp đỡ tận tình của cụ Phan Thụy Hùng – hậu duệ họ Phan và ông Phạm Quang Đại – hậu duệ họ Phạm Đông Ngạc trong việc cung cấp và chỉ báo các nguồn tư liệu. Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ to lớn và quý báu của các cụ.

1. Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi không thể trình bày sự nghiệp làm quan của từng vị Tiến sĩ.
2. Một số cụ ở Đông Ngạc cho rằng, không nên coi Lê Đức Mao là vị đại khoa của làng vì khi đi thi, ông đã chuyển lên làng Dưỡng Hối, song chúng tôi coi ông là vị Tiến sĩ làng Vẽ vì phần lớn cuộc đời ông trưởng thành từ môi trường giáo dục của làng.
3. Cũng như trường hợp của Tiến sĩ Lê Đức Mao, một số cụ ở Đông Ngạc cũng không coi Tiến sĩ Hoàng Nguyễn Thự là người làng vì vị Tiến sĩ này không phải chính quê ở đây, thêm nữa, theo quy định ngặt nghèo của làng Đông Ngạc thì người ngụ cư phải đến đời thứ 7 mới được coi là chính cư. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn coi Hoàng Nguyễn Thự là Tiến sĩ làng Đông Ngạc vì môi trường chính để ông thành đạt là làng Đông Ngạc. Thêm nữa, mặc dù làng có quy định ngặt nghèo về dân ngụ cư như đã trình bày, nhưng đến đời con ông là Hoàng giáp Hoàng Tế Mỹ đã được lệ tịch vào làng. Qua đây cho thấy, giữa lệ tục làng xã và thực tế thường có một khoảng cách khác biệt.
4. Nghĩa là : lúc đầu phát về nghề làm lại (quan và thư lại,) sau phát về văn học, văn thì được đỗ cao, quan thì làm đến phẩm cao nhất, giàu có, đa đình, lưu truyền từ đời này sang đời khác.
5. Số tiền nộp thay thế việc khao như sau : Thượng vũ vọng : 10 đồng ; Chánh nhất vọng : 50 đồng; Tổng nhất vọng : 60 đồng; Chánh nhị vọng : 70 đồng; Tổng nhị vọng : 80 đồng; Chánh tam vọng : 90 đồng; Tổng tam vọng : 100 đồng.
6. Tám giáp là : Đông Nhất, Đông Nhì, Ngạc Nhất, Ngạc Nhì, Vẽ Nhất, Vẽ Nhì, Đoài Nhất, Đoài Nhì.
7. Nghĩa là trong 8 người thôn trưởng phải sửa lễ trong năm, ai hơn tuổi nhất được làm bánh dày; còn xôi màu thì giáp nào có cai niên làng thì được làm, chè kho thì giáp nào có cai niên xuân tế được làm, còn 5 thứ bánh khác 5 giáp còn lại bốc thăm với nhau.
8. *Xã Đông Ngạc*. Đảng uỷ xã Đông Ngạc xuất bản, 1994, tr. 17.